

Bản án số: 151/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 5 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hằng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Quốc**.

2. Ông **Đỗ Văn Riều**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Hồng Tâm**- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc Th**, sinh năm: 1972 (Có mặt);

Địa chỉ: Số 47/22 khu phố B, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn M**, sinh năm: 1968 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 47/22 khu phố B, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn xin ly hôn ngày 25/02/2019, Bản tự khai ngày 15/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày:* Chị và anh Bùi Văn M tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1990. Đến năm 1994, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Chánh, thị xã Gò Công, giấy chứng nhận kết hôn số 28/HT ngày 25/4/1994. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M đi làm về không phụ giúp tiền bạc để lo cho các con và gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần anh M còn bóp cổ chị Th. Vợ chồng đã sống ly thân được 18 tháng, không hàn gắn tình cảm lại được nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Quốc C- sinh ngày 17/6/1994, Bùi Nhựt H- sinh ngày 13/01/2001. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Bùi Văn M mặc dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Bùi Văn M nhưng do anh vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh Bùi Văn M và không hòa giải vụ án được.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đối với bị đơn anh Bùi Văn M đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Th và anh Bùi Văn M tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1990. Đến năm 1994, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Chánh, thị xã Gò Công, giấy chứng nhận kết hôn số 28/HT ngày 25/4/1994. Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh M tuân thủ theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Th trình bày do anh M đi làm về không phụ giúp tiền bạc để lo cho các con và gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần anh M còn bóp cổ chị Th. Vợ chồng đã sống ly thân được 18 tháng, không hàn gắn tình cảm lại được. Nhận thấy tình cảm không còn, sống với nhau không còn hạnh phúc.

Phía anh M đã được triệu tập họp lệ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh M vắng mặt không lý do, cho thấy anh M không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa chị Th và anh M đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Quốc C- sinh ngày 17/6/1994, Bùi Nhựt H- sinh ngày 13/01/2001. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th được ly hôn với anh Bùi Văn M.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Th đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 42981 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Khấu trừ xem như đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Án được tuyên cùng ngày.

Nơi nhận:

- VKSND TXGC;
- CCTHADS TXGC;
- UBND xã Long Chánh, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Hằng